



ĐẢM BẢO NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI KHI LUẬT SƯ THAM GIA BẢO CHỮA TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ - THỰC TIỄN VÀ KIẾN NGHỊ

Nguyễn Thanh Mai¹
Vũ Thị Hương²

Tóm tắt: Suy đoán vô tội là một trong những nguyên tắc cơ bản, quan trọng được ứng dụng rộng rãi trong nền khoa học pháp lý hiện đại. Theo đó, nguyên tắc suy đoán vô tội là một nguyên tắc về bảo đảm quyền con người, hiểu một cách đơn giản nhất nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội là: Một người sẽ không bị coi là có tội nếu họ không bị kết án bởi một bản án có hiệu lực pháp luật. Đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cũng như luật sư tham gia phiên tòa phải luôn quán triệt và tuân thủ triệt để nguyên tắc này trên thực tiễn, nhằm tránh oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động bảo chữa của luật sư cho thấy còn nhiều hoạt động của luật sư bảo chữa cho người bị buộc tội đã không được các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tôn trọng và bảo đảm, theo đó nguyên tắc suy đoán vô tội thực sự chưa được đảm bảo.

Trong bài viết này chúng tôi tập trung làm sáng tỏ thực tiễn đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội của luật sư khi tham gia bảo chữa vụ án hình sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị nhằm đảm bảo nguyên tắc này trên thực tiễn.

Từ khóa: Nguyên tắc suy đoán vô tội, xét xử sơ thẩm, vụ án hình sự.

Nhận bài: 21/9/2020; Hoàn thành biên tập: 25/9/2020; Duyệt đăng: 23/10/2020.

Abstract: Innocent speculation is one of the most important and widely used fundamentals in modern legal science. Accordingly, this principle of inference to innocence is a principle of assuring human rights, in the simplest sense, of the content of the principle of inference of innocence is: A person will not be considered guilty if they do not sentenced by a legally effective sentence. It is required that the procedure-conducting agencies, the procedure-conducting persons, as well as the lawyers participating in the trial, must always thoroughly grasp and abide by this principle in practice, in order to avoid unjust, wrong or neglect a criminal. In this article, we focus on clarifying the practice of ensuring the principle of innocent guessing of lawyers participating in defense of criminal cases during the first instance trial, based on which a number of solutions are proposed. Measures to ensure this principle in practice. However, the practice of lawyers' defense activities shows that many activities of lawyers for defense of accused persons have not been respected and guaranteed by the agencies and competent persons conducting legal proceedings. That principle of innocent guess is not guaranteed.

Key words: The principle of innocent speculation; instance trial; criminal case.

Date of receipt: 21/9/2020; Date of revision: 25/9/2020; Date of Approval: 23/10/2020.

1. Nhận thức chung về nguyên tắc suy đoán vô tội

Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 của Liên hợp quốc và Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc năm 1966 đều có quy định: “Bất kỳ người bị buộc tội nào đều có quyền suy đoán là không phạm tội cho đến khi lỗi của người đó được xác định theo một trình tự do pháp luật quy định bằng phiên tòa xét xử công khai của

Tòa án với sự bảo đảm đầy đủ khả năng bảo chữa của người đó”³. Theo đó, nguyên tắc suy đoán vô tội cũng đã chính thức được ghi nhận tại Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 của Việt Nam với đầy đủ nội dung như sau: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do bộ luật này quy định và có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn

¹ Tiến sỹ, Giảng viên, Khoa Đào tạo luật sư, Học viện Tư pháp.

² Thạc sỹ, Giảng viên, Khoa Đào tạo luật sư, Học viện Tư pháp.

³ Điều 11 Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 của Liên hợp quốc.

Điều 14 Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc năm 1966.

*cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội*⁴. Việc thừa nhận nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự (TTHS) là phù hợp quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang theo đuổi đồng thời hướng tới một nền tư pháp công bằng, nhân đạo, điều này được thể hiện rõ nhất trong Hiến pháp năm 2013. Theo đó, Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam khẳng định nhà nước pháp quyền phải ghi nhận đầy đủ và cam kết bảo vệ quyền con người trong đó có quyền con người trong TTHS; quy định tòa án thực hiện quyền tư pháp có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người...⁵.

Từ những quy định nêu trên, cho thấy: Nội dung và ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội được thể hiện như sau:

Nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội:

Thứ nhất, nguyên tắc này chỉ đề cập trong lĩnh vực hình sự và quyền được suy đoán vô tội là quyền của người bị buộc tội;

Thứ hai, nguyên tắc này đặt ra trách nhiệm của các cơ quan và người tiến hành tố tụng phải luôn tuân thủ triệt để, chính xác các trình tự, thủ tục khi thực hiện các hoạt động chứng minh người thực hiện hành vi phạm tội;

Thứ ba, nguyên tắc này đặt ra đối với các cơ quan và người tiến hành tố tụng phải xác định và đánh giá chính xác lỗi của người bị buộc tội cũng như phải làm rõ được mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm và phải được ghi nhận rõ trong bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội:

Một là, nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi hoạt động chứng minh người phạm tội và hành vi phạm tội phải hết sức khách quan, toàn diện và chính xác, không được làm oan, sai;

Hai là, đảm bảo thực hiện quyền suy đoán vô tội đối với chính những người bị buộc tội. Theo đó, họ có thể tự mình chứng minh, cũng có thể nhờ người bào chữa chứng minh cho mình về sự trong sạch không tham gia hoặc không thực hiện bất kỳ hành vi bị coi là phạm tội;

Ba là, nguyên tắc này đã đề cao và bảo vệ quyền con người, luôn xác định và nhận định họ

không có tội trước khi chứng minh được và có kết luận chính thức trong bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Vai trò của luật sư trong việc đảm bảo thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội

Vai trò của luật sư trong hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động tranh tụng tại phiên tòa nói riêng có vị trí đặc biệt quan trọng, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo trong giai đoạn xét xử, góp phần đảm bảo việc giải quyết vụ án của Tòa án được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật, tránh làm oan người vô tội hoặc tránh những sai sót làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người bị buộc tội.

Các hoạt động nghiệp vụ của luật sư bào chữa được thực hiện xuyên suốt, thống nhất trong toàn bộ quá trình tham gia tố tụng. Kể từ khi luật sư tiếp nhận yêu cầu bào chữa của khách hàng hoặc nhận nhiệm vụ bào chữa theo chỉ định của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cho đến khi kết thúc các trình tự tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, thậm chí sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, thì các hoạt động nghiệp vụ của luật sư vẫn tiến hành, nhằm đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội đối với người bị buộc tội là khách hàng của mình. Các hoạt động mà luật sư tiến hành khi tham gia giải quyết vụ án hình sự trong giai đoạn xét xử, bao gồm: (1) Hoạt động của luật sư trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án hình sự; (2) Hoạt động của luật sư tại phiên tòa sơ thẩm gồm các hoạt động như: Tham gia ý kiến ở phần thủ tục bắt đầu phiên tòa; tham gia hỏi trong phần thủ tục xét hỏi; trình bày luận cứ bào chữa và tham gia đối đáp, tranh luận tại phần tranh luận tại phiên tòa; (3) Hoạt động của luật sư sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình xét xử sơ thẩm, luật sư tham gia phiên tòa đã góp phần giúp Hội đồng xét xử (HĐXX) đánh giá lại toàn bộ chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được Cơ quan điều tra (CQĐT), Viện kiểm sát (VKS) thu thập trước đó (về sự đầy đủ, tính khách quan, liên quan đến vụ án cũng như sự phù hợp hay mâu thuẫn trong các tài liệu, chứng cứ đó...). Các hoạt động này nhằm làm sáng tỏ sự thật của vụ án và Hội đồng xét xử sẽ có phán quyết cuối cùng đối với người phạm tội và hành vi phạm tội của họ (có thể chuyển tội danh; có thể chuyển khung hình phạt; trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung; cũng có thể HĐXX sẽ hủy án hoặc tuyên vô tội tại

⁴ Điều 13 BLTTHS năm 2015.

⁵ Điều 31 Hiến pháp năm 2013.



phiên tòa phúc thẩm...) điều đó tùy thuộc vào tài liệu, chứng cứ chứng minh tại phiên tòa, trong đó vai trò của luật sư bào chữa là hết sức quan trọng. Theo đó, nguyên tắc suy đoán vô tội luôn luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ tiến trình tố tụng và quá trình xét xử tại phiên tòa. Do đó không ai, người nào, cơ quan nào có thể coi bị cáo là người có tội nếu như chưa có bản án kết tội của tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Thực tiễn đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, để tiến hành bào chữa cho bị cáo luật sư phải tiến hành các hoạt động như: Thực hiện các hoạt động bào chữa trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, xét xử tại phiên tòa và sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, thực tiễn bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội được thực hiện như thế nào, chúng ta đi vào nghiên cứu từng nội dung cụ thể nêu trên như sau:

*** Thực tiễn đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội của luật sư trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

BLTTHS năm 2015 quy định “Sau khi kết thúc điều tra, nếu có yêu cầu đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm bố trí thời gian, địa điểm để người bào chữa đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án”⁶. Theo đó, khi hồ sơ chuyển sang tòa án để xét xử, luật sư được tiếp cận hồ sơ chính, sao chụp hồ sơ, ghi chép, đọc và tiến hành nghiên cứu hồ sơ vụ án. Để thuận lợi cho hoạt động bào chữa của mình luật sư sẽ sắp xếp lại hồ sơ thành hồ sơ của luật sư, nhằm phục vụ cho hoạt động bào chữa của luật sư cho khách hàng đạt hiệu quả tốt nhất. Khi tiến hành nghiên cứu hồ sơ, luật sư đồng thời luôn bám sát các quy định pháp luật để đối chiếu, so sánh các tài liệu trong hồ sơ với quy định của pháp luật. Qua đó, luật sư xác định sự phù hợp hay sự không phù hợp của mỗi tài liệu đó. Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ án, luật sư sẽ tổng hợp chứng cứ, xây dựng kịch bản để tham gia phiên tòa hình sự, xác định những điểm mấu chốt, những sai phạm, cân nhắc đi đến quyết định đưa ra ý kiến, quan điểm, đề xuất, kiến nghị

trực tiếp với thẩm phán (chủ tọa phiên tòa) sau khi đã đăng ký làm việc trực tiếp hoặc soạn thảo văn bản kiến nghị với những nội dung và yêu cầu cụ thể gửi đến cơ quan Tòa án, các hoạt động sẽ tiến hành như sau:

- Luật sư có quyền đề nghị Tòa án xét xử sơ thẩm thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với khách hàng của mình, luật sư cần đưa ra những căn cứ, lý do hợp lý, theo đó nếu tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người bị buộc tội mà luật sư đang nhận bào chữa⁷.

Ví dụ: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, luật sư bào chữa nhận thấy việc truy tố đối với khách hàng của luật sư có dấu hiệu oan, sai, theo đó việc đầu tiên luật sư cần tiến hành là yêu cầu thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp khác cho khách hàng của mình. Tuy nhiên, nhiều vụ án việc đề nghị thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam phần lớn không được Tòa án chấp nhận, lý do: Đảm bảo sự có mặt của bị cáo tại phiên tòa xét xử nên nhiều trường hợp dù đủ các điều kiện để thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam cũng không được chấp nhận. Điều này phần nào đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người bị buộc tội, theo đó thực tiễn chưa đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội cho khách hàng của luật sư.

- Luật sư có thể trực tiếp hoặc bằng văn bản kiến nghị, đề nghị thẩm phán chủ tọa phiên tòa trả hồ sơ điều tra bổ sung (nếu không điều tra bổ sung mà cứ tiến hành xét xử vụ án sẽ gây bất lợi cho khách hàng⁸. Theo đó, khi hồ sơ được trả lại để điều tra bổ sung, các hoạt động điều tra bổ sung sẽ được CQĐT hoặc VKS tiến hành và phải thông báo cho luật sư biết để luật sư được tham gia các hoạt động đó⁹. Luật sư có quyền đề nghị CQĐT thông báo trước với luật sư về việc tiến hành các hoạt động điều tra bổ sung như: Thực nghiệm điều tra lại; khám nghiệm hiện trường lại hoặc nhận dạng con người, công cụ gây án... để luật sư được tham gia nhằm bảo đảm tính khách quan, toàn diện, đầy đủ khi điều tra vụ án. Tuy nhiên, luật quy định là như vậy, song thực tiễn việc thông báo cho luật sư chỉ có ở giai đoạn điều tra vụ án, còn khi tiến hành điều tra bổ sung phần lớn CQĐT, VKS không thông báo cho luật sư, vì thế luật sư không thể tham gia các

⁶ Điều 82 BLTTHS năm 2015.

⁷ Điểm b Khoản 1 Điều 279 BLTTHS và Điều 278 BLTTHS năm 2015.

⁸ Điều 280 và điểm a Khoản 3 Điều 326 BLTTHS năm 2015.

⁹ Điều 73 BLTTHS năm 2015.

hoạt động tố tụng trong giai đoạn này và không thể thực hiện tốt quyền bào chữa của mình cho khách hàng. Đây cũng là kẽ hở của luật, do đó cần có quy định hoặc hướng dẫn cụ thể về vấn đề này, quy định rõ các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo cho luật sư về thời gian, địa điểm sẽ tiến hành các hoạt động điều tra để luật sư tham gia, nhằm đảm bảo quyền bào chữa cho khách hàng cũng như qua đó đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ nguyên tắc suy đoán vô tội đối với người bị buộc tội.

Ví dụ: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, luật sư bào chữa thấy lời khai có quá nhiều mâu thuẫn giữa bị can/bị cáo với bị hại và người làm chứng. Ngoài ra, các vết thương của bị can/bị cáo cũng như vết thương của bị hại không phù hợp với công cụ gây án, cũng như cách thức thực hiện hành vi. Hơn nữa, tỷ lệ % tổn thương cơ thể trong kết luận giám định không đúng theo hướng dẫn của Bộ y tế về bảng phân tỷ lệ % tổn thương cơ thể. Với các căn cứ đó, luật sư đề nghị tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu thực nghiệm điều tra lại; cho tiến hành đối chất; lấy lại hồ sơ bệnh án để đối chiếu với bảng tỷ lệ % theo hướng dẫn Bộ Y tế...

Xét thấy các nội dung nêu trên mà luật sư nêu ra là có cơ sở, tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung. Tuy nhiên, quá trình CQĐT tiến hành các hoạt động nêu trên hoàn toàn không thông báo cho luật sư biết để tham gia và có ý kiến cho các hoạt động này. Điều này cho thấy, mặc dù luật có quy định, song chưa chặt chẽ nên trên thực tiễn các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã không tuân thủ nhưng cũng không thể nói họ vi phạm tố tụng vì quy định không rõ ràng. Theo đó, thực tiễn này đã ảnh hưởng phần nào đến việc thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội, vì người bào chữa đã không được tham gia để bảo vệ cho khách hàng của mình một cách tối ưu nhất.

- Trong trường hợp qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, cụ thể nghiên cứu về tài liệu giám định, định giá tài sản luật sư thấy: Việc giám định có nhiều sai sót, một trong những sai sót thường thấy đó là sai sót về quy tắc giám định (Ví dụ không tuân thủ nguyên tắc cộng lùi, đã làm tăng tỷ lệ % tổn thương

cơ thể, theo đó nếu cộng đúng sẽ chuyển khung hình phạt thậm chí nhiều vụ án không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự); Hoặc vấn đề định giá tài sản không đúng, thời điểm định giá trong biên bản xác định không chính xác, theo đó nó đã làm tăng mức thiệt hại của bị hại, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của khách hàng là người đang bị buộc tội. Nhiều trường hợp sau khi định giá lại trị giá tài sản không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chuyển sang khung khác nhẹ hơn. Do đó nếu phát hiện ra những sai sót này, luật sư sẽ trực tiếp hoặc bằng văn bản kiến nghị gửi đến tòa án đề nghị tòa án cho tiến hành giám định bổ sung hoặc giám định lại (nếu có nghi ngờ về kết luận giám định, cũng như căn cứ giám định không chính xác); Đề nghị tòa án định giá bổ sung hoặc định giá lại (nếu luật sư nghi ngờ về kết luận định giá gây bất lợi cho khách hàng)¹⁰.

Tuy nhiên, theo thống kê của tòa án nhân dân tối cao thì nội dung kiến nghị của luật sư được tòa án chấp nhận chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ từ 1,2-2,3%¹¹. Do đó, từ thực tế này cho thấy nguyên tắc suy đoán vô tội chưa thực sự được đảm bảo trên thực tiễn. Đòi hỏi cần sửa đổi, bổ sung luật tố tụng hình sự về các kiến nghị có căn cứ của luật sư chặt chẽ hơn, ràng buộc trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng rõ ràng, cụ thể nếu không chấp nhận các kiến nghị của luật sư mà những kiến nghị đó có căn cứ, có cơ sở dẫn đến việc giải quyết vụ án không đảm bảo tính chính xác, toàn diện, đầy đủ. Thực tiễn đã chứng minh nhiều vụ án oan sai sau khi được xem xét lại, một trong những lý do dẫn đến oan sai là các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã không chú trọng và quan tâm đến những kiến nghị có căn cứ, cơ sở bằng văn bản của luật sư.

- Khi có các căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án hình sự theo quy định của pháp luật, nếu thấy việc tạm đình chỉ, đình chỉ trong trường hợp này là quan trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của khách hàng, thì luật sư cần có văn bản kiến nghị đề nghị tòa án áp dụng. Theo đó, trong phần nội dung văn bản kiến nghị luật sư phải nêu rõ lý do và căn cứ đề nghị tòa án tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc bị cáo là khách hàng của luật sư¹².

¹⁰ Điểm k Khoản 1 Điều 73 BLTTHS năm 2015; Điều 205, 206, 210, 211, 215, 218 BLTTHS và Luật giám định tư pháp năm 2015.

¹¹ Báo cáo thống kê hàng năm của Tòa án nhân dân tối cao (từ 2009-2019).

¹² Điểm g, i Khoản 1 Điều 73 BLTTHS và các Điều 281, 282 BLTTHS năm 2015.



Tuy nhiên, trên thực tiễn bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội đối với luật sư trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm cho thấy tính hiệu quả chưa thực sự cao, nhiều quan điểm, ý kiến luật sư đưa ra (hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp bằng văn bản) cũng ít khi được tòa án chấp nhận. Chính vì vậy, đã có khá nhiều vụ án oan, sai xảy ra trên thực tiễn xét xử (việc này được thể hiện qua báo cáo rút kinh nghiệm công tác xét xử hàng năm của tòa án và báo cáo rút kinh nghiệm công tác kiểm sát xét xử hàng năm của VKS). Thiết nghĩ cần có những quy định mạnh hơn nữa về vai trò của luật sư trong hoạt động tố tụng, nhằm phát huy tối đa hiệu quả của nguyên tắc suy đoán vô tội trên thực tiễn xét xử.

*** Thực tiễn đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội của luật sư tại phiên tòa sơ thẩm**

- Khi tham gia giải quyết vụ án hình sự, luật sư được quyền thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án và cung cấp, giao nộp những tài liệu, chứng cứ, đồ vật đó cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong giai đoạn này là tòa án¹³. Quy định này giúp luật sư trên thực tiễn luôn chủ động tìm kiếm chứng cứ, chứng minh khách hàng của luật sư không thực hiện hành vi phạm tội, phát huy hiệu quả nguyên tắc suy đoán vô tội.

Trong bất kỳ vụ án hình sự nào xảy ra, yếu tố tiên quyết, hàng đầu và quan trọng nhất là chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Theo đó, các cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh diễn biến hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, lỗi, mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi và hậu quả đó. Trách nhiệm này thuộc về cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh mình là người vô tội. Để chứng minh và làm sáng tỏ sự thật về vụ án, các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng bằng các quy định trong BLTTHS, các quy định về công tác nghiệp vụ của ngành, tiến hành các biện pháp điều tra nhằm thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án. Bên cạnh đó, theo quy định của pháp luật thì luật sư cũng được quy định có thẩm quyền tiến hành các hoạt động này. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật chứng minh về hành vi phạm tội liên quan đến người bị buộc tội đối với luật sư còn hết sức mờ nhạt, phụ thuộc, bị động, ít hiệu quả vì còn bị ràng buộc bởi nhiều nội dung quy

định hạn chế trong BLTTHS. Xuất phát từ thực trạng hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu của luật sư, cụ thể là:

Thứ nhất, quy định của pháp luật về việc thu thập chứng cứ, tài liệu của luật sư còn chưa được đầy đủ, chưa rõ ràng và hoàn toàn mang tính bị động, phụ thuộc;

Thứ hai, thực tiễn công tác tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu của luật sư gặp vô vàn khó khăn, trở ngại do quy định của pháp luật không đầy đủ, không rõ ràng;

Thứ ba, từ thực tiễn chuyển giao các chứng cứ, tài liệu mà luật sư thu thập được đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng với việc các cơ quan đó nhìn nhận, đánh giá về các tài liệu, chứng cứ đó trên thực tiễn rất khắt khe, hạn chế, phần lớn là bác bỏ không chấp nhận, mang tính quy chụp chủ quan;

Thứ tư, ngoài ra xuất phát từ mối quan hệ phối hợp trong công tác giữa điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán với luật sư trong việc phối hợp điều tra khám phá án, tiến hành các hoạt động theo quy định của BLTTHS để thu thập chứng cứ, tài liệu chứng minh về vụ án còn mang tính quyền uy, áp đặt, ràng buộc, bị động...

Chính vì vậy, một trong những giải pháp hàng đầu, “nút thắt” quan trọng nhất để mở đường cho các hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu của luật sư trên thực tiễn công tác được “dễ thở” hơn, được coi trọng hơn, cũng như thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động này trên thực tiễn chứng minh làm sáng tỏ sự thật về vụ án một cách khách quan và toàn diện nhất, góp phần phòng tránh hiện tượng oan, sai, đó chính là vấn đề hoàn thiện các quy định của pháp luật, (mà cụ thể chính là các quy định trong BLTTHS) về việc luật sư được thu thập chứng cứ, tài liệu chứng minh tội phạm và người phạm tội, đó cũng chính là phát huy tối đa vai trò của luật sư trong quá trình giải quyết vụ án, nhằm đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội hiệu quả trên thực tiễn xét xử.

- Luật sư được gặp gỡ, trao đổi, thống nhất với khách hàng trước khi tham gia phiên tòa sơ thẩm¹⁴. Quy định này hết sức cần thiết, đảm bảo luật sư luôn luôn sát cánh với bị can/ bị cáo trước khi ra phiên tòa. Luật sư động viên, giúp khách hàng yên tâm, thống nhất với khách hàng nội dung bào chữa để cùng phối hợp nhịp nhàng. Nhắc nhở khách

¹³ Theo quy định tại Điều 73, 81, 279 BLTTHS năm 2015.

¹⁴ Điều 73 BLTTHS năm 2015.

hàng nếu gặp những vấn đề có nghi ngại hoặc nếu câu trả lời không lường được hậu quả thì có quyền sử dụng “quyền im lặng” còn các vấn đề khác để luật sư giải quyết. Những vấn đề này hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội.

- Tại phiên tòa, để thực hiện việc bào chữa và luôn luôn suy đoán vô tội, luật sư được thực hiện các hoạt động:

+ Có ý kiến, quan điểm ở phần thủ tục bắt đầu phiên tòa: Đưa ra các quan điểm, yêu cầu khi luật sư thấy có những vấn đề không đúng, nếu tiếp tục sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của khách hàng (Ví dụ: Cần triệu tập thêm người làm chứng; đề nghị hoãn phiên tòa khi vắng mặt người làm chứng quan trọng; thay đổi người tiến hành tố tụng...)¹⁵ mỗi quan điểm, ý kiến nêu ra cần có chứng cứ chứng minh rõ ràng. Tuy nhiên, phần lớn HĐXX không chấp nhận ý kiến ví quan điểm của luật sư, vì lý do: Người làm chứng đã có lời khai đầy đủ trong giai đoạn điều tra, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến kết quả xét xử vụ án do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu này; hoặc những lý do mà luật sư đưa ra không có cơ sở thuyết phục, bản thân những người tiến hành tố tụng cam đoan vô tư khi làm nhiệm vụ... để từ chối các yêu cầu và đề nghị của luật sư. Theo đó, phần nào cũng ảnh hưởng đến đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội trên thực tiễn hoạt động của luật sư.

+ Phần thủ tục xét hỏi: Luật sư được tham gia phần thủ tục xét hỏi để thực hiện “hoạt động hỏi” của mình theo đề cương đã chuẩn bị và có những thay đổi phù hợp với diễn biến tại phiên tòa. Hỏi nhằm làm rõ và chứng minh khách hàng không thực hiện hành vi phạm tội; khách hàng không tham gia với vai trò đồng phạm trong vụ án; hoặc khách hàng thực hiện hành vi trong trường hợp “cần thiết” không còn sự lựa chọn khác hoặc bị kích động mạnh...¹⁶, HĐXX không hạn chế quyền được hỏi của luật sư. Theo đó, luật sư cần vận dụng và phát huy tốt hoạt động hỏi của mình tại phiên tòa, đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc suy đoán vô tội cho khách hàng mà luật sư nhận bào chữa.

Trong quá trình tham gia hỏi tại phiên tòa, luật sư phải có chiến thuật trong việc nêu câu hỏi và đặt câu hỏi hướng vào các tình tiết khách quan, chứng cứ có lợi cho khách hàng mà luật sư đang bảo vệ. Luật sư phải thực sự linh hoạt, ứng biến trong các

tình huống diễn biến tại phiên tòa; luật sư có chiến thuật vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức pháp lý vận dụng theo hướng có lợi nhất để bảo vệ cho khách hàng; có chiến thuật trong việc đưa ra các câu hỏi cho người làm chứng để họ cung cấp các thông tin một cách chính xác, khách quan, chất vấn những tình tiết trong vụ án có tính chất mâu thuẫn bất hợp lý vận dụng để bảo vệ cho khách hàng. Để hoạt động hỏi đạt hiệu quả cao nhất, luật sư cần xây dựng kịch bản phiên tòa thật kỹ, như: hỏi ai trước, ai sau; hỏi về nội dung gì; mục tiêu hỏi làm gì; thậm chí cần soạn sẵn nội dung câu hỏi và có đối chứng với chứng cứ, tài liệu liên quan.

Tuy nhiên, thực tiễn HĐXX thường hay yêu cầu luật sư “không được đặt câu hỏi thế này” hoặc “không được sử dụng câu hỏi mớm lời khai”... nhiều trường hợp HĐXX “cắt ngang” không cho luật sư hỏi. Những hạn chế trên thực tế đã ảnh hưởng rất lớn đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong hoạt động bào chữa của luật sư.

+ Luật sư được trình bày luận cứ bào chữa tại phiên tòa theo quy định tại Điều 320 BLTTHS năm 2015: Luận cứ bào chữa là tài liệu thể hiện tập trung nhất kết quả của quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, cũng như kết quả của quá trình tìm hiểu chứng cứ, chứng minh bằng nhiều hình thức khác của luật sư. Các vấn đề luật sư đưa ra và nêu ra tại bản bào chữa phải đáp ứng ba tiêu chí: (1) Tổng hợp chứng cứ chứng minh khoa học nhất, logic nhất; (2) đưa ra chứng cứ chứng minh thuyết phục theo định hướng bào chữa mà luật sư đặt ra; (3) Phân tích, đánh giá, tổng hợp chứng cứ để đạt được định hướng bào chữa. Có lẽ, trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự thì trình bày quan điểm bào chữa của luật sư tại phiên tòa là sự thể hiện rõ nét nhất về đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội trên thực tiễn xét xử. Tại đây, luật sư sẽ phân tích chứng cứ, đưa ra các quan điểm, ý kiến, kiến nghị, đề xuất về vụ án đang giải quyết một cách thấu tình, đạt lý. Phân tích về sự phù hợp, không phù hợp giữa các chứng cứ, tài liệu; thấy được những sai phạm, vi phạm và sự không chấp nhận chứng cứ khi chúng có sự vi phạm về tính hợp pháp, tính liên quan hay tính xác thực của nó.

Thực tiễn cho thấy, nhiều quan điểm bào chữa của luật sư đã được HĐXX chấp nhận và tuyên bản án phù hợp. Bên cạnh đó, cũng có nhiều vụ án việc

¹⁵ Điều 302 BLTTHS năm 2015.

¹⁶ Quyền này được quy định tại Điều 307 BLTTHS năm 2015.



xét xử dường như không quan tâm đến những quan điểm, ý kiến của luật sư. Điều này đã làm ảnh hưởng rất lớn đến đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội. Theo đó, cần có những quy định cụ thể, chặt chẽ, rõ ràng hơn về vai trò của luật sư trong luật, nhằm đảm bảo hơn nguyên tắc suy đoán vô tội trên thực tiễn xét xử.

+ *Luật sư tham gia phản đối đáp, tranh luận: Luật sư tham gia đối đáp, tranh luận với VKS, với luật sư khác và với những người tham gia tố tụng nhằm làm sáng tỏ sự thật về vụ án. Quyền này của luật sư được thực hiện vô cùng hiệu quả, quy định tại Điều 322 BLTTHS.*

Luật sư cần đối đáp, tranh luận từng vấn đề, từng ý kiến với VKS, với luật sư bên đối lập và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Trường hợp trong vụ án đồng phạm có nhiều luật sư bào chữa, luật sư bào vệ nêu ra quan điểm trái chiều với nhiều ý kiến trùng lặp, Kiểm sát viên đưa ra quan điểm buộc tội với khách hàng, luật sư cần hết sức bình tĩnh, tập trung lắng nghe, ghi chép đầy đủ và nhóm lại thành từng nhóm vấn đề để đối đáp, tranh luận lại. Luật sư cần viện dẫn chứng cứ, tài liệu chứng minh, dẫn chiếu đến các quy định pháp luật liên quan có hướng dẫn và quy định, lập luận chặt chẽ, đưa ra những luận cứ, luận chứng để luận giải khoa học, lô gic, đồng thời phải chốt vấn đề lại từng vấn đề và không đối đáp dài dòng, lặp đi lặp lại (những vấn đề đã đối đáp, đã tranh luận thì không đối đáp và tranh luận nữa). Luật sư cần xác định: Để đảm bảo việc bào chữa đạt hiệu quả cao, và phát huy vai trò của người luật sư tại phiên tòa, luôn luôn thể hiện quan điểm bào chữa theo nguyên tắc suy đoán vô tội. Theo đó, luật sư bào chữa cho bị cáo sẽ nêu tất cả những vấn đề liên quan đến nội dung vụ án như cáo trạng truy tố hay luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa phân tích (tội danh; khung hình phạt; mức hình phạt; Bồi thường thiệt hại và những vấn đề khác liên quan đến giải quyết vụ án) đồng thời nêu rõ quan điểm của luật sư về những vấn đề nêu ra đó. Luật sư sẽ đưa toàn bộ quan điểm, ý kiến không đồng ý, những vấn đề chưa đúng về thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật, hoặc áp dụng pháp luật chưa phù hợp khi giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng (từ những hoạt động đầu tiên khởi tố vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa) như: áp dụng biện pháp ngăn chặn; giám định; định giá tài sản; khám nghiệm hiện trường; thu giữ dấu vết, vật chứng; khám xét... để đấu tranh cho bị

cáo. Chính vì thế, các luật sư muốn đạt hiệu quả cao khi bào chữa tại phiên tòa thì cần phải xây dựng kịch bản trước khi tham gia phiên tòa và phải lường trước tất cả mọi vấn đề, tình huống xảy ra. Ngoài ra, cần trích dẫn chứng cứ tại bút lục trong hồ sơ để đấu tranh, viện dẫn văn bản pháp luật để minh chứng..., càng chuẩn bị kỹ, càng tự tin đối đáp, tranh luận và chủ động trong từng hoạt động tại phiên tòa.

Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động bào chữa cho thấy nhiều nội dung, quan điểm, ý kiến luật sư bào chữa nêu ra đối đáp và tranh luận với đại diện VKS, với các luật sư tham gia bảo vệ cho bị hại hoặc đương sự khác... nhưng VKS không hợp tác, nhiều vụ án Kiểm sát viên chỉ nói một câu "Tôi bào vệ quan điểm như cáo trạng truy tố và luận tội đã phân tích" mà không đối đáp và tranh luận lại với quan điểm, ý kiến của luật sư bào chữa. Có nhiều luật sư khi tham gia bào chữa đã đề nghị HĐXX yêu cầu VKS tranh luận lại với luật sư về vấn đề mà luật sư nêu ra, nhưng VKS không trả lời, những sự việc này cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xét xử đã không coi trọng ý kiến của luật sư, dẫn đến nhiều vụ án oan, sai xảy ra cũng xuất phát từ thái độ và tác phong làm việc thiếu chuyên nghiệp như trên. Theo đó, để khắc phục tình trạng này trên thực tiễn, đòi hỏi phải quy định cụ thể trong luật như sau: Trường hợp những nội dung mà luật sư nêu ra để đối đáp và tranh luận tại phiên tòa, nhưng VKS từ chối không đối đáp và tranh luận, thì HĐXX phải chấp nhận quan điểm của luật sư để xem xét và quyết định trong bản án khi nghị án.

*** Thực tiễn đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội của luật sư sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm**

Sau phiên tòa sơ thẩm, luật sư có quyền kháng cáo bản án, quyết định của tòa án chưa có hiệu lực pháp luật trong các vụ án hình sự mà luật sư tham gia bào chữa cho người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần hoặc luật sư có quyền tư vấn cho khách hàng kháng cáo bản án, quyết định của tòa án. Việc kháng cáo bản án, quyết định của tòa án chưa có hiệu lực pháp luật nhằm mục đích xem xét lại vụ án ở cấp xét xử cao hơn, đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội cho khách hàng mà luật sư nhận bào chữa, đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất cho khách hàng.

4. Một số kiến nghị nhằm đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội khi luật sư tham gia bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Để thực hiện tốt nguyên tắc suy đoán vô tội khi luật sư tham gia bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, trên cơ sở phân tích thực tiễn hoạt động bào chữa ở giai đoạn này trong từng công việc cụ thể của luật sư, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị nhằm đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội trên thực tiễn:

Một là, cần có sự thống nhất về nhận thức một cách toàn diện, chính xác về nội dung và tầm quan trọng của nguyên tắc suy đoán vô tội đối với hoạt động bào chữa của luật sư, cũng như đối với những người tiến hành tố tụng trong vụ án hình sự. Theo đó, người bị buộc tội luôn luôn có quyền được suy đoán vô tội và họ không phải là người có tội khi chưa có bản án kết tội của tòa án có hiệu lực pháp luật. Theo đó, nhiệm vụ tố tụng hình sự là phải được thực hiện trên cơ sở đảm bảo quyền con người, quyền được suy đoán vô tội đối với người bị buộc tội. Nhận thức này hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với văn minh nhân loại và tiến bộ xã hội, hướng tới một nền tư pháp trong sạch, minh bạch và tiến bộ.

Hai là, cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc suy đoán vô tội. Theo đó: (1) Cần ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ và quy chế phối hợp nhằm quy định chặt chẽ, cụ thể và rõ ràng hơn những trường hợp kiến nghị và đề xuất của luật sư trước, trong và sau khi tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, nhằm đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội, tránh sai sót hoặc vi phạm tố tụng; (2) Quy định cụ thể và chặt chẽ hơn về các trường hợp các cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện hoạt động thu thập chứng cứ chứng minh cần báo cho luật sư tham gia và tạo điều kiện tốt nhất để luật sư tham gia bào chữa cho người bị buộc tội (Đặc biệt là những hoạt động tố tụng điều tra bổ sung khi tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật...)

Ba là, chú trọng và nâng cao trình độ, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp đối với luật sư khi tham gia bào chữa trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả hoạt động bào chữa của luật sư, nhằm đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội, đòi hỏi việc triển khai thực hiện chiến lược, Quyết định số 123 của Chính Phủ, theo đó Bộ Tư pháp cần thực hiện tổng kết, đánh giá thi hành Luật luật sư; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử

lý nghiêm các vi phạm trong tổ chức và hoạt động của luật sư; tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo nghiệp vụ luật sư tại Học viện Tư pháp; chú trọng các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư, đặc biệt là nâng cao chất lượng luật sư. Ngoài ra, Liên đoàn luật sư Việt Nam cần nghiên cứu, triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp hữu hiệu, nhằm góp phần đạt được mục tiêu về phát triển số lượng, chất lượng luật sư theo những mục tiêu mà Chiến lược, Đề án 123 đã đề ra; Chủ động đề xuất việc xem xét, tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển nghề luật sư. Đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động luật sư tại địa phương; đề cao kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư. Qua đó nhằm đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội trong những vụ án hình sự khi luật sư tham gia bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm đạt hiệu quả và chất lượng cao nhất.

Bốn là, để bảo đảm quyền bào chữa của luật sư cũng như đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội, cần phải ban hành văn bản hướng dẫn, quy định rõ về việc: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ chứng minh, phải lắng nghe, tôn trọng cũng như tạo điều kiện đối với luật sư bào chữa cho bị cáo. Chỉ ngắt hoặc yêu cầu luật sư dừng việc hỏi khi những câu hỏi có vi phạm pháp luật hoặc trái với đạo đức xã hội. Đối với những lập luận và nội dung luật sư nêu ra mà VKS không đối đáp, không trả lời thì HĐXX cần tôn trọng và ủng hộ quan điểm, ý kiến của luật sư bào chữa tại phiên tòa.

Năm là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để mọi công dân đều hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình, đặc biệt đối với người bị buộc tội hiểu rõ về nguyên tắc suy đoán vô tội để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng cho chính bản thân người bị buộc tội đó.

Trên đây là một số vấn đề về thực tiễn hoạt động bào chữa của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, từ đó chúng tôi đưa ra một số kiến nghị về nhận thức, về hoàn thiện các quy định của pháp luật, cũng như một số kiến nghị khác (...) nhằm đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội, một nguyên tắc hiến định hết sức quan trọng được thực thi nghiêm túc, qua đó đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, tránh oan, sai./